|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**  **Khoa: Ngoại ngữ**  **Bộ môn: Phát triển kỹ năng tiếng Anh** | **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **Học phần: Kỹ năng Đọc Viết 4**  **Mã học phần: 131039** |

**I.** [**Thông**](https://unitguides.mq.edu.au/unit_offerings/136927/unit_guide#general-information-section) **tin chung**

- Số tín chỉ: 3 (27, 36, 0)

- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng đọc viết 3

- Học kỳ: 4

**II. Mô tả học phần**

***Nội dung học phần***: Học phần gồm các bài đọc có từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ phức tạp, những kỹ năng đọc viết nâng cao về các chủ đề như: điện ảnh, du lịch, thám hiểm, văn hóa xã hôi, khoa học và công nghệ …; cách viết bài luận dài thể hiện ý kiến hai chiều, viết các thể loại thư, viết nhận xét…

***Năng lực đạt được:*** Người học đọc hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các chủ đề đã học; có kỹ năng viết bài luận dài, phát triển các lập luận một cách hệ thống, nêu bật được những ý chính và có những minh họa phù hợp, tổng hợp thông tin và lập luận từ nhiều nguồn khác nhau, có thể viết bài mô tả biểu đồ đường, biểu đồ cột, bảng biểu; có thể viết bài luận phân tích tiến trình, nêu nguyên nhân, kết quả, phân loại. Kết thúc học phần người học đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**III. Mục tiêu của học phần**

***Kiến thức***: Người học có vốn từ vựng, cấu trúc câu phức tạp, kỹ năng đọc, kiến thức nền để có thể đọc hiểu những bài đọc có trình độ bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc về các chủ đề khác nhau của cuộc sống. Đồng thời, người học có kiến thức về cách viết bài viết bài mô tả biểu đồ đường, biểu đồ cột, bảng biểu; có thể viết bài luận phân tích tiến trình, nêu nguyên nhân, kết quả, phân loại.

***Kỹ năng:*** Người học thành thạo kỹ năng tìm kiếm nhanh thông tin chi tiết trong bài, biết xác định quan điểm của tác giả, có thể đọc nhanh hơn, biết cách tìm đồng nghĩa trong bài. Người học có kỹ năng viết bài mô tả biểu đồ đường, biểu đồ cột, bảng biểu; có thể viết bài luận phân tích tiến trình, nêu nguyên nhân, kết quả, phân loại.

***Thái độ:*** Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

**IV. Tài liệu tham khảo chính**

***\**** ***Giáo trình chính:***

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). ***Achievers B2.*** Richmond Vietnam News Agency Publishing House. [1]

2. Neil J.Anderson (2013). ***Active Skills for Reading 3***, ***Third Edition***. Heine Cengage Learning [2]

3. Alice Savage &MasoudShafiei.(2008). ***Effective Academic Writing 3***. Cambridge University Press. [3]

***\**** ***Tài liệu tham khảo:***

1. **Cambridge First Certificate in English 6** (2016). Cambridge University Press. [4]

2. **Cambridge IELTS Practice Test 9** (2016). Cambridge University Press. [5]

3. **Cambridge IELTS Practice Test 10** (2016). Cambridge University Press. [6]

**V. Schedule**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Contents** | **Topics** | **References** |
| 1 | **Course introduction and orientation**  **Reading:**  1. Lesson 1: Use it or lose it!  2. Lesson 2: Travel and Technology  **Writing:**  1. Grammar: Structures with Verb-ing/ Verb-infinitive  2. Writing task 1 IELTS: Line graphs | [1] trang 8-9  [2] trang 16-19  Handouts  Handouts |
| 2 | **Reading:**  1. Lesson 1: What a choice!  2. Lesson 2: Reality TV: Good or Bad for Fashion?  **Writing:**  1. Grammar: Structures with modal verbs  2. Practice IELTS writing task 1: Line graphs | [1] trang 18-23  [2] trang 25-38  Handouts  Handouts |
| 3 | **Reading:**  1. Lesson 1: A decade of change  2. Lesson 2: Endangered Species  **Writing:**  1. Grammar: Conditional sentences with unless, if only  2. IELTS writing task 1: Bar charts  **Mini-test 1** | [1] trang 28-34  [2] trang 39-52  Handouts  Handouts |
| 4 | **Reading:**  1. Lesson 1: Review- Units 1-3  2. Lesson 2: Lottery Winners: Rich…but Happy?  **Writing:**  1. Grammar: Conditional sentences with if it were for/if it hadn’t been for  2. Practice IELTS writing task 1: Bar charts | [1] trang 38,39  [2] trang 65-78  Handouts  Handouts |
| 5 | **Reading:**  1. Lesson 1: Will life really be like this?  2. Lesson 2: Wedding customs  **Writing:**  1. Grammar: Reduced relative clauses  2. IELTS writing task 1: Tables | [1] trang 40-46  [2] trang 79-92  Handouts  Handouts |
| 6 | **Reading:**  1. Lesson 1: Facing up to a new life  2. Lesson 2: The “Lost World” of South America  **Writing:**  1. Grammar: Reduced adverb clauses  2. Practice IELTS writing task 1: Tables  **Mid-course test** | [1] trang 50-56  [2] trang 93-106  [3] trang 2-23 |
| 7 | **Reading:**  1. Lesson 1: Are you connected? You may be in danger…  2. Lesson 2: Successful Dieting  **Writing**:  The Five-Paragraph Essay | [1] trang 60-66  [2] trang 119-132  [3] trang 2-20 |
| 8 | **Reading:**  1. Lesson 1: Review Units 4-6  2. Lesson 2: Human Adaptation to Space  **Writing:**  Process analysis essays | [1] trang 70-71  [2] trang 113-146  [3] trang 2-32-59 |
| 9 | **Reading:**  1. Lesson 1: A blow for conservation  2. Lesson 2: Is an Only child a Lonely Child?  **Writing:**  Process analysis essays  **Mini-test 2** | [1] trang 72-78  [2] trang 147-160  [3] trang 32-59 |
| 10 | **Reading:**  1. Lesson 1: What a blooper!  2. Lesson 2: Plagiarism and the Internet  **Writing:**  Cause and effect essays | [1] trang 82-88  [2] trang 173-186  [3] trang 60-87 |
| 11 | **Reading:**  1. Lesson 1: Aiming high  2. Lesson 2: Words to Remember  **Writing:**  Cause and effect essays | [1] trang 92-98  [2] trang 187-200  [3] trang 60-87 |
| 12 | **Reading:**  11. Lesson 1: Review Units 7-9  2. Lesson 2: The Evolution of Batman  **Writing**:  Classification essays | [1] trang 102-103  [2] trang 201-214  [3] trang 116-145 |
| 13 | **Writing**:Cause and effect essays  **Review of reading skills and writing task types** | [3] trang 116-145 |

**VI. Kiểm tra đánh giá**

***1. Chính sách đối với học phần***

Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên). Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như: làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến xây dựng bài,.. Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của học phần. Tham gia thi, kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

***2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đầu điểm** | **Hình thức** | **Thời gian** | **Trọng số** | **Định dạng bài kiểm tra** |
| Kiểm tra thường xuyên | 1. Chuyên cần, bài tập & portfolio | Trong suốt quá trình học | 30% | Điểm chuyên cần, bài tập hàng tuần & portfolio |
| 2. Bài kiểm tra số 1 | Sau nội dung 3 | Reading + Writing to describe line graphs |
| 3. Bài kiểm tra số 2 | Sau nội dung 9 | Reading + Writing to describe tables |
| 4. Presentation | Trong suốt quá trình học | Article reports |
| Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra viết | Sau nội dung 6 | 20% | ***Reading***:  ***Writing***:  3. Rewrite sentences  4. Writing to describe bar charts |
| Kiểm tra cuối kỳ | Kiểm tra viết | Sau khi kết thúc học phần | 50% | ***Reading*:**  1. Multiple choice cloze  2. True-false questions  3. Multiple choice questions  ***Writing*:**  4. Writing to describe a graph/ chart/ table  5. Writing a five-paragraph essay |